TOÀ ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

THỊ XÃ CỬA L **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH NGHỆ A

Bản án số: 37/2023/ DS-ST
Ngày: 15/9/2023
(V/v kiện đòi tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA L, TỈNH NGHỆ A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Thế Lan
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tuyên Quang.
2. Ông Chế Đình Sơn.
- Thư ký phiên toà: bà Phan Thị Thúy Lợi – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cửa L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Hương, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa L.

Ngày 15/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa L, tỉnh Nghệ A xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 28/2023/TLST – DS ngày 05/7/2023 về việc kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST- DS ngày 28/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1974 và chị Lê Thị H, sinh 1964
Cùng trú Tại: Khối 1, phường Nghi T, thị xã Cửa L, Nghệ A.

Đại diện ủy quyền của anh Phạm Văn Tr: chị Lê Thị H *(Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2023).*

Nguyên đơn, người đại diện nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: anh Chu Văn S

Trú tại: Khối 4. phường Nghi T, thị xã Cửa L, Nghệ A. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2023 và tại các bản tự khai cũng như phần trình bày tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Do có mối quen biết nhau và là người cùng phường, ngày 13/02/2019 (AL) vợ chồng chị có cho anh Chu Văn S, trú tại khối 4, phường Nghi T, thị xã Cửa L vay số tiền 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)*. Khi vay có làm giấy vay tiền anh Chu Văn S đã ký nhận đầy đủ, trong giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và hẹn 1 tháng sau anh Sơn trả cho anh chị số tiền gốc là 1.500.000đ. Sau khi nhận tiền đến hẹn anh Sơn đã không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, thời gian vay đã lâu vợ chồng đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh Sơn vẫn không chịu trả. Nay vợ chồng làm đơn kiện ra tòa án thị xã yêu cầu anh Chu Văn S phải trả cho vợ chồng số tiền gốc 35.000.000đ và lãi suất là 14.550.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báomở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Chu Văn S đã từ chối nhận các văn bản của tòa án và không tham gia phiên họp công khai chứng cứ cũng như hòa giải.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa L phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, buổi công khai chứng cứ tiến hành đúng thủ tục. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục bắt đầu phiên tòa, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định pháp luật. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357 Điều 463, Điều 466 Điều 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả tiền gốc và lãi suất, trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Trung chị Hường. Anh Sơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản với bị đơn là anh Chu Văn S, có địa chỉ tại Khối 4, phường Nghi T, thị xã Cửa L, Nghệ

A. Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án nhân dân thị xã Cửa L, tỉnh Nghệ A thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Chu Văn S đã được tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Sơn từ chối nhận các văn bản của tòa án và không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy tòa án không tiến hành hòa giải được (khoản 1 Điều 207 BLTTDS).

Tại phiên tòa lần thứ 2 nguyên đơn và người đại diện nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Chu Văn S vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ, vì vậy hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định (Điều 227; 228 BLTTDS).

[1.2]. Về Quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiên, lời khai của các nguyên đơn, người vay tiền là anh Chu Văn S có giấy vay tiền do hai bên kí kết. Do vậy tranh chấp giữa Nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp dân sự (khoản 3 Điều 26 BLTTDS).

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy.

[2.1]. Đối với số tiền nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Bị đơn anh Chu Văn S có vay của vợ chồng anh Phạm Văn Tr, Lê Thị H số tiền 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* theo giấy vay tiền đề ngày 13/02/2019 (Â L) có thỏa thuận sau thời gian vay 01 tháng anh Sơn sẻ trả số tiền vay là 1.500.000đ . Nay đã quá thời hạn như thỏa thuận nhưng anh Chu Văn S đã không thực hiện như thỏa thuận đã ký, mặc dù vợ chồng anh Trung chị Hường đã nhiều lần đốc thúc thanh toán nợ nhưng anh Sơn không trả.Vì vậy anh Trung chị Hường đã làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc anh Chu Văn S phải trả số tiền gốc 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* là có căn cứ nên chấp nhận (Điều 357, Điều 463, Điều 466 BLDS).

[2.2]. Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu anh Chu Văn S phải trả lãi suất. Tại bản tự khai ban đầu mốc từ 13/ 4/2019(Â L) đến ngày 13/5//2023(Â L). Cụ thể lãi suất được tính như sau: 35.000.000đ x 10%/ năm x 50 tháng =14.505000đ. Trong giấy vay các bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng tại bản tự khai nguyên đơn yêu cầu anh Sơn phải trả lãi suất, với yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận (Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS). Về thời gian tính lãi theo thỏa thuận sau 01 tháng anh Sơn phải trả số tiền 1.500.000đ . Như vậy theo thỏa thuận ngày 13/02/2019(Â L) đến sau ngày 13/3/2019 (Â L) là đã hết 01 tháng.

Do nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể ngày 13/4/2019 (ÂL), vậy thời gian tính lãi suất được tính từ ngày 13/4/2019(Â L) cho đến ngày xét xử ngày 15 /9/2023 (DL) tức ngày 01/8/2023(Â L) là có căn cứ. Cụ thể (35.000.000đ x 10%/năm) x 4 năm 3 tháng 18 ngày = 15.050.000đ

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, buộc anh Chu Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.502.500đ (50.050.000đ x 5%). Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 .

Trả lại cho anh Trung, chị Hường 1.595.000đ tiền tạm ứng án phí đã nạp tại biên lai số 0001153 ngày 05/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa L, tỉnh Nghệ A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 ; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 357 và Điều 463; Điều 466; 468 BLDS. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Chu Văn S phải trả cho vợ chồng anh Phạm Văn Tr, Lê Thị H số tiền 50.050.*000đ (Năm mươi triệu, không trăm năm mười ngàn).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Chu Văn S phải chịu 2.502.500đ *(Hai triệu, năm trăm linh hai ngàn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Phạm Văn Tr chị Lê Thị H 1.595.000đ *(Một triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nạp tại biên lai số 0001153 ngày 5/7/20223của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa L, tỉnh Nghệ A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn ; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cửa L;
- CQ THA thị xã Cửa L;
- TAND tỉnh NA;
- lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Hoàng Thế Lan